TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2017/DS-ST
Ngày: 29/9/2017
V/v tranh chấp *"Bồi thường thiệt hại về tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Thanh Phú**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Trọng Nhân**.

2. Ông **Đỗ Viết Phúc**.

- Thư ký Tòa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trường Tân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2017, về tranh chấp*"Bồi thường thiệt hại về tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2017/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Lê Hoàng H., sinh năm 1957.
Địa chỉ: Số 595A, đường L., phường x, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

2. Bị đơn:

- Ngô Thị K., sinh năm 1929

- Lê Huỳnh Duy B., sinh năm 1981

- Bà Huỳnh Thị L., sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: Ấp Bãi B., xã Phú T., huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang.

- Chị Lê Huỳnh Lan C., sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp Bà L., xã Phú T., huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang.

(Có mặt ông H., các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hoàng H. trình bày:*

Ông H. được cha mẹ cho phần đất vườn dừa tại ấp Bãi Bùn, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 151 ngày 02/4/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho Lê Hoàng H.. Sau khi được cho đất thì ông H. cho anh ruột là ông Lê Hoàng S. và chị dâu là bà Huỳnh Thị L. thuê đến năm 2010 thì lấy lại đất. Khi đó thì ông S. và bà L. đưa ra điều kiện là ông H. phải giao số tiền 20.000.000 đồng là chi phí mà ông S., bà L. đã bồi thố trên đất thì mới trả đất cho ông H.. Ngày 23/01/2011, ông H., ông S. và bà L. cùng làm tờ cam kết với nội dung là ông H. giao ông S., bà L. số tiền 20.000.000 đồng và ông S., bà L. có nghĩa vụ giao trả đất lại cho ông H.. Sau khi ký tên cam kết xong thì ông S. tự ý ghi tiếp vào giấy cam kết với nội dung là ông H. không được cho người ngoài thuê đất.

Ông S., bà L. đã nhận đủ tiền nhưng vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này. Khi ông H. đến canh tác thì ông S., bà L. và chị C. (Con ông S., bà L.) cản trở quyền sử dụng đất của ông H.. Tháng 8/2011, ông H. cho anh Phan Bá M. và chị Huỳnh Thị N. thuê đất với thời gian 02 năm, giá 8.000.000 đồng/năm, hai bên có lập đồng thuê đất được Ủy ban nhân dân xã Phú Thạnh xác nhận. Tuy nhiên anh M., chị N. đến canh tác đất thì cũng bị ông S., bà L. và chị C. nhiều lần cản trở, hăm dọa do đó anh M., chị N. không trả tiền thuê đất cho ông H.. Ông H. khởi kiện ông S., bản án dân sự sơ thẩm số 51/2012/DSST ngày 07/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông buộc ông S. phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông H.. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông nhiều lần vận động, thuyết phục, tổ chức cưỡng chế nhưng không thi hành được bản án. Ngày 24/7/2015 ông S. chết, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông ra Quyết định số 05/QĐ-CCTHA đình chỉ thi hành án đối với ông S..

Sau khi ông S. chết, bà L. và chị C. tiếp tục cản trở quyền sử dụng đất của ông H. nên ông H. khởi kiện bà L., chị C.. Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2016/DSST ngày 26/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông buộc bà L., chị C. chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và trả lại phần đất thửa 55 cho ông H.. Ngày 23/12/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông tiến hành cưỡng chế giao đất cho ông H..

Hành vi cản trở quyền sử dụng đất ông S., bà L. và chị C. đã gây ra thiệt hại trong việc thu hoa lợi trên đất (Thu hoạch dừa) cho ông H.. Ông H. xác định thiệt hại từ 2011 đến 2012 theo giá hợp đồng cho thuê đất với anh M., chị N.. Từ năm 2013 đến năm 2016 thì ông H. đã yêu cầu Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE tiến hành thẩm định tổng giá trị hoa lợi bị thiệt hại là 190.740.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông H. yêu cầu như sau:

- Từ tháng 6/2011 đến ngày 24/7/2015 ông S., bà L. phải bồi thường số tiền là 135.477.528 đồng. Do ông S. đã chết nên ông H. yêu cầu những người thuộc H.ng thừa kế thứ nhất của ông S. gồm mẹ, vợ và các con của ông S. là Ngô Thị K., Huỳnh Thị L., Lê Huỳnh Duy B. và Lê Huỳnh Lan C. có nghĩa vụ liên đới bồi thường phần ½ giá trị thiệt hại là 67.738.764 đồng; Bà L. có nghĩa vụ bồi thường phần ½ giá trị thiệt hại còn lại là 67.738.764 đồng.

- Từ tháng 8/2015 đến tháng 12/2016, bà L. và chị C. phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền là 71.262.170 đồng.

** Bị đơn Lê Huỳnh Lan C. vắng mặt, nhưng trong bản tự khai và biên bản hòa giải đã trình bày:*

Phần đất thửa 55 có nguồn gốc từ bà Lê Thị N. cho ông bà nội của chị C. là ông Lê Văn T. và bà Ngô Thị K.. Sau đó, ông bà nội mới cho lại cha mẹ chị C. là ông Lê Hoàng S. và bà Huỳnh Thị L.. Ông S., bà L. là người cải tạo đất lên liếp và trồng dừa trên đất đến nay, nhưng ông H. được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001, ông H. lấy đất lại để canh tác và ông S., bà L. cũng đồng ý giao đất cho ông H.. Hai bên có làm giấy tay với nội dung là ông H. giao cho cha mẹ chị số tiền 20.000.000 đồng hỗ trợ chi phí cải tạo đất, cha mẹ chị trả lại đất cho ông H., hai bên cũng đã giao nhận tiền xong. Khi đó, cha mẹ chị có nói với ông H. là chỉ được canh tác trực tiếp chứ không cho người ngoài thuê vì cha mẹ chị phải vay mượn tiền thuê máy đào đắp thành các liếp dừa chưa lấy lại được vốn. Phần sau Biên bản cam kết ngày 23/01/2011 cha chị cũng có ghi *"Nếu em H. về giữ và làm trực thuộc thì thôi còn cho mướn thì để vợ chồng tôi mướn không để người ngoài vào khu vườn đó…"* nhưng không có ông H. ký tên.

Sau khi canh tác trên đất được khoảng 03 tháng thì ông H. báo với chính quyền địa phương cho rằng cha mẹ chị trộm dừa và ông H. cho anh Phan Bá M. và chị Huỳnh Thị N. thuê đất. Cha mẹ chị không đồng ý nên hai bên xảy ra tranh chấp kéo dài. Từ năm 1980 đến tháng 7/2015 cha mẹ chị trực tiếp quản lý, thu hoạch hoa lợi trên đất. Sau khi cha chị chết thì mẹ chị tiếp tục quản lý, thu hoạch hoa lợi trên đất đến nay. Do chị C. ở gần nên thỉnh thoảng có về phụ cha mẹ chứ không có hưởng lợi gì từ thửa đất này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. thì chị C. không đồng ý.

** Bị đơn Ngô Thị K. vắng mặt, nhưng trong bản tự khai trình bày:*

Đồng ý liên đới bồi thường theo yêu cầu của ông H.. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa các bị đơn Huỳnh Thị L. và Lê Huỳnh Duy B. vắng mặt nên không có lời trình bày.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Bồi thường thiệt hại về tài sản" nên cần được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1] Về tố tụng: Xét thấy bị đơn bà Ngô Thị K. có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với các bị đơn bà Huỳnh Thị L., anh Lê Huỳnh Duy B. và chị Lê Huỳnh Lan C. vắng mặt không rõ lý do dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét ông Lê Hoàng H. yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là hoa lợi trên đất:

Thấy rằng, phần đất diện tích 5.586 m^2, thửa số 55, tờ bản đồ PTC4 tại ấp Bãi Bùn, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông ông Lê Hoàng H. đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 151 ngày 02/4/2001, nên ông H. có quyền sử dụng hợp pháp phần đất trên.

Tại biên bản cam kết ngày 23/01/2011 (BL: 50) do ông H. cung cấp có nội dung ông S., bà L. đã nhận của ông H. 20.000.000 đồng là C. phí bồi thố trên đất và cam kết trả lại đất, không xâm phạm phần đất vườn của ông H.. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2017 của Tòa án (BL: 28) chị Lê Huỳnh Lan C. cũng xác định là chữ ký trong biên bản cam kết đúng chữ ký của ông S.. Sau khi ông S. cam kết trả đất, ông H. không canh tác và hưởng hoa lợi trên đất được do ông S., bà L. cản trở việc sử dụng đất của ông H. trong thời gian dài thể hiện tại các biên bản làm việc vào các ngày 15 và 20/6/2011 của Công an xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông (BL: 39, 40). Theo bản án số 51/2012/DS-ST ngày 07/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông đã buộc ông Lê Hoàng S. phải chấm dứt hành vi cản trở việc ông H. và người thuê đất của ông H. vào sử dụng, thu hoạch diện trên đất, tuy nhiên ông S. không chấp hành bản án. Đến ngày 24/7/2015, ông S. chết (BL: 138) thì bà L. và chị Lan C. tiếp tục cản trở việc sử dụng đất của ông H.. Bản án số 66/2016/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông đã buộc bà Huỳnh Thị L. và chị Lê Huỳnh Lan C.

phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông H.. Ngày 23/12/2016, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông thực hiện cưỡng chế giao diện tích đất 5.586 m^2, thửa số 55 cho ông H.. Do ông S., bà L. và chị C. có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông H. dẫn đến ông H. không thu được tiền cho thuê đất cũng như hoa lợi trên đất, nên việc ông H. yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là có cơ sở.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, tranh chấp hiện nay xuất phát từ việc ông S., bà L. thuê đất của ông H. để sản xuất và sau đó ông S., bà L. chiếm giữ luôn phần đất thuộc quyền sử dụng của ông H. cho đến ngày ông S. chết. Lợi nhuận ông S., bà L. thu được nhằm để phục vụ vào mục đích chung của gia đình. Do vậy ông S., bà L. phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông H. theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình. Ông S. chết thì bà L. phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại trong khoảng thời gian từ khi có hành vi cản trở đến ngày ông S. chết. Do đó, ông H. yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S. gồm bà K., bà L., anh B. và chị C. phải liên đới bồi thường phần ½ nghĩa vụ của ông S. là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Theo đơn khởi kiện ông H. yêu cầu thời gian bồi thường từ tháng 01/2011. Tại phiên tòa, ông H. có thay đổi là yêu cầu bồi thường từ tháng 06/2011 nhưng vẫn giữ nguyên về số tiền yêu cầu bồi thường. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo chứng cứ ông H. cung cấp cần xác định hành vi cản trở của ông S., bà L. bắt đầu từ ngày Công an xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông lập biên bản hành vi vi phạm của ông S., bà L. (Ngày 15/6/2011) cho đến ngày ông S. chết (Ngày 24/7/2015) và hành vi cản trở của bà L., chị C. bắt đầu từ sau ngày ông S. chết (Ngày 25/7/2015) cho đến ngày thực hiện cưỡng chế giao đất cho ông H. (Ngày 23/12/2016) là phù hợp.

Ông H. yêu cầu bồi thường thời gian từ tháng 6/2011 đến hết năm 2012 theo mức ông cho anh M., chị N. thuê đất (8.000.000 đồng/năm). Xét thấy, hợp đồng thuê đất giữa ông H. với anh M., chị N. có thời hạn 02 năm, từ ngày 04/8/2011 đến ngày 04/8/2013 (BL: 121, 122). Do đó, ông H. yêu cầu bồi thường theo giá của hợp đồng thuê đất từ ngày 15/6/2011 đến ngày 03/8/2011 là không có cơ sở, mà cần phải xem xét theo thiệt hại thực tế xãy ra. Từ năm 2013 đến năm 2016 ông H. yêu cầu bồi thường theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE xác định gồm năm 2013 là 50.484.850 đồng, năm 2014 là 45.434.850 đồng, năm 2015 là 40.384.850 đồng và năm 2016 là 54.435.150 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ ngày 01/01/2013 đến ngày 04/8/2013 là còn trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đất, nên ông H. yêu cầu bồi thường theo chứng thư thẩm định giá cũng không phù hợp.

Quá trình điều tra, Tòa án tiến hành xác minh đối với những người có đất trồng dừa cùng khu vực với đất ông H., kết quả là sản lượng dừa thời gian 05 năm gần đây

ngày càng giảm do nhà nước đắp đê bao ngăn mặn, đất bị nhiễm phèn nặng và việc điều tiết nước không hiệu quả. Cụ thể vườn của bà Lê Thị N. lãi 500.000 đồng/ha/năm, vườn của anh Nguyễn Ngọc T. lãi từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/4.500m^2/năm và vườn của bà Phạm Thị N. lãi 2.000.000 đồng/2,5ha/tháng. Thấy rằng, giá trị thiệt hại mà Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE đưa ra là không phù hợp với thu nhập thực tế nên Hội đồng xét xử áp dụng mức thu nhập trung bình của 03 vườn dừa nêu trên là 4.477.000 đồng/ha/năm. Như vậy, đối với vườn dừa của ông H. diện tích 5.586 m^2 thì thiệt hại thực tế là 2.500.000 đồng/năm (hay 6.849 đồng/ngày).

Theo trích lục khai tử số 400/TLKT-BS ngày 18/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thạnh thì ông S. chết ngày 24/7/2015. Do vậy thiệt hại từ ngày 15/6/2011 đến ngày 24/7/2015 là 1.499 ngày. Trong đó, tiền cho thuê đất không thu được 730 ngày (từ ngày 04/8/2011 đến ngày 04/8/2013) là 16.000.000 đồng và thiệt hại do không thu được hoa lợi trên đất 5.266.881 đồng (769 ngày x 6.849 đồng/ngày). Như đã phân tích trên, ông S. chết thì bà L. phải có nghĩa vụ bồi thường tổng cộng 21.266.881 đồng (16.000.000 đồng + 5.266.881 đồng).

Từ sau ngày ông S. chết (Ngày 25/7/2015) đến ngày Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông thực hiện cưỡng chế giao đất cho ông H. (Ngày 23/12/2016) thì bà L. và chị C. là người cản trở quyền sử dụng đất của ông H. nên bà L. và chị C. có nghĩa vụ liên đới bồi thường với số tiền 3.479.292 đồng (508 ngày x 6.849 đồng/ngày)

[3] Về án phí: Ông H. phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Bà L., anh B., chị C. và bà K. phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của ông H. được chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại điện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 589, Điều 615 Bộ Luật Dân sự; Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng H..

- Buộc bà Huỳnh Thị L. có nghĩa vụ bồi thường cho ông H. số tiền 21.266.881 đồng.

- Buộc bà Huỳnh Thị L. và chị Lê Huỳnh Lan C. có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông H. số tiền 3.479.292 đồng.

1. Về án phí:

- Ông Lê Hoàng H. phải chịu 9.099.676 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000 đồng theo biên lai thu số 48455 ngày 21/3/2017 và 3.968.000 đồng theo biên lai thu số 48533 ngày 15/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông nên ông H. phải nộp tiếp 3.931.676 đồng.

- Bà Huỳnh Thị L. phải nộp 1.063.344 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị L. và chị Lê Huỳnh Lan C. phải liên đới nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H. được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thanh Phú

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.